

Số: 01/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Học viện Ngoại giao

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-KĐCL ngày 20/01/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 33;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-KĐCL ngày 20/01/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 33 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Học viện Ngoại giao, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 33 ngày 16/02/2025 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Học viện và đã được Học viện đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Học viện Ngoại giao cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục II).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Học viện Ngoại giao.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

(Kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 02 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4.19
Tiêu chuẩn 1	4.40
Tiêu chuẩn 2	4.00
Tiêu chuẩn 3	4.00
Tiêu chuẩn 4	4.25
Tiêu chuẩn 5	4.25
Tiêu chuẩn 6	4.14
Tiêu chuẩn 7	4.00
Tiêu chuẩn 8	4.50
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3.85
Tiêu chuẩn 9	3.83
Tiêu chuẩn 10	4.00
Tiêu chuẩn 11	3.75
Tiêu chuẩn 12	3.80

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4.11
Tiêu chuẩn 13	4.40
Tiêu chuẩn 14	3.80
Tiêu chuẩn 15	4.00
Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 17	4.00
Tiêu chuẩn 18	4.25
Tiêu chuẩn 19	4.00
Tiêu chuẩn 20	4.25
Tiêu chuẩn 21	4.50
Mục 4. Kết quả hoạt động	4.23
Tiêu chuẩn 22	4.25
Tiêu chuẩn 23	4.17
Tiêu chuẩn 24	4.50
Tiêu chuẩn 25	4.00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

(Kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 02 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngoại giao giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy Học viện có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn và văn hóa được xác định rõ ràng, cập nhật để phù hợp với bối cảnh phát triển mới. Hệ thống quản trị, cơ cấu lãnh đạo và quản lý được thiết lập theo quy định, được rà soát, đánh giá và cải tiến để đáp ứng yêu cầu tự chủ. Các mục tiêu chiến lược được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu chất lượng để thực hiện. Hệ thống chính sách khá toàn diện, được giám sát và điều chỉnh, đặc biệt nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch và quản lý nhân lực được triển khai đúng quy định, hiệu quả. Hệ thống quản lý tài chính và cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin được chú trọng đáp ứng được nhu cầu phát triển. Hoạt động hợp tác trong và ngoài nước đa dạng, đã phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định vị thế của Học viện trên trường quốc tế.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập khá hoàn chỉnh, có hệ thống văn bản quy định, chính sách, quy trình và hướng dẫn để thực hiện. Các mục tiêu chiến lược về đảm bảo chất lượng phù hợp với chiến lược phát triển chung, được rà soát và chuyển tải thành các chỉ tiêu chất lượng hằng năm để thực hiện. Hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng được quan tâm; kết quả đánh giá đã được sử dụng để thực hiện nhiều cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được quan tâm xây dựng. Hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan được thực hiện định kỳ; quy trình và tiêu chí so chuẩn, đối sánh được thiết lập và triển khai thực hiện có tác động tích cực đến hệ thống quản trị, các chính sách cũng như các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được thực hiện đúng kế hoạch, tuân thủ các quy định hiện hành và đạt được kết quả tốt. Một số hoạt động dạy – học bước đầu thể hiện được triết lý giáo dục của Học viện; các hoạt động dạy - học khá đa dạng; hoạt động thực hành, thực tế, rèn luyện kỹ năng tự học cho người học được chú trọng. Giảng viên có trình độ cao, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, phổ biến đầy đủ để thực hiện. Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học được thực hiện có hiệu quả. Hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu khoa học và các nguồn lực được thiết lập mang lại kết quả, góp phần nâng cao uy tín, vị thế ngành ngoại giao, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho công tác đào tạo. Kết nối và hợp tác được thiết lập, đạt nhiều thành tựu trong nghiên cứu khoa học và hoạt động ngoại giao. Quy định, hướng dẫn về quản lý và triển khai kết nối, phục vụ cộng đồng được xây dựng và triển khai có hiệu quả.

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐHQGHN

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống giám sát tỉ lệ người học tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập đầy đủ. Tỉ lệ người học có việc làm cao; nhà sử dụng lao động hài lòng với chất lượng người học tốt nghiệp. Hoạt động khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế được giám sát và có giải pháp cải thiện. Kết quả nghiên cứu đã đóng góp vào chuyển giao tri thức, tư vấn chính sách về đối ngoại. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được giám sát, đo lường và đối sánh để cải tiến góp phần tạo dựng uy tín và thương hiệu của Học viện. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập phù hợp với chiến lược phát triển, được theo dõi, giám sát chặt chẽ. Các chỉ số về kết quả hoạt động được đối sánh để cải thiện chất lượng.

Tuy nhiên, Học viện vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Học viện cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tham khảo góp ý của các bên liên quan và các chuyên gia để có phương án điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục phù hợp cho nhiệm kỳ mới; tiếp tục làm rõ mục tiêu phát triển; truyền thông quan điểm và tư tưởng phát triển mạnh mẽ theo hướng đa ngành để tăng nhận diện thương hiệu cho Học viện.

2. Nghiên cứu áp dụng các phương pháp quản trị hiệu quả, quản trị theo mục tiêu và các mô hình quản trị đại học tiên tiến. Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống quản trị theo quy trình và vận hành hiệu quả trong bối cảnh đặc thù của đơn vị; áp dụng triệt để công cụ quản trị đại học số, các kênh kết nối số làm cơ sở xây dựng và thực thi chiến lược phát triển đồng thời khai thác tối đa thế mạnh đặc thù trong lĩnh vực ngoại giao; xây dựng bộ chỉ số (KPIs) quản trị trọng yếu để đo lường, đối sánh và quản trị hiệu quả theo mục tiêu và kết quả.

3. Có chính sách và cơ chế khai thác hiệu quả đội ngũ cán bộ, giảng viên đã và đang được luân chuyển tham gia các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học thông qua các nền tảng quản trị số; đa dạng hóa phương thức truyền thông về sứ mạng và mục tiêu, cụ thể hóa trong các chỉ số phát triển của từng đơn vị, cá nhân để thực hiện.

4. Xác định và thống nhất quan điểm, mô hình phát triển phù hợp với xu thế tất yếu trong giai đoạn mới; xây dựng bộ chỉ số cốt lõi của chiến lược để đầu tư có trọng điểm; xác định các chỉ số đặc trưng và lộ trình thực hiện đảm bảo định hướng phát triển bền vững và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

5. Định kỳ tập huấn nâng cao năng lực xây dựng chính sách và ban hành hướng dẫn thực hiện rà soát, giám sát việc tuân thủ; thiết lập bộ chỉ số KPIs để đo lường hiệu quả thực hiện và đánh giá tác động của các chính sách, mức độ hài lòng và lợi ích của các bên liên quan trong các hoạt động; đảm bảo chính sách trong kết nối, phục vụ cộng đồng phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.

6. Xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự dài hạn đảm bảo tính ổn định của đội ngũ lãnh đạo, phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ đáp ứng quy định chuẩn cơ sở giáo dục đại học; có chính sách ưu tiên tuyển dụng và đào tạo giảng viên trình độ cao cho các lĩnh vực đào tạo chuyên ngành có nhu cầu cao; xác định nhu cầu và đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ theo vị trí công việc, trong

đó quan tâm hỗ trợ hiệu quả quá trình chuyển đổi số; xây dựng bộ chỉ số KPIs đánh giá kết quả thực hiện và cơ chế đãi ngộ tương xứng với hiệu quả và cống hiến.

7. Rà soát chính sách học bổng để đảm bảo tỷ lệ phân bổ nguồn thu học phí cho khuyến khích học tập và hỗ trợ sinh viên; tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá hiệu quả khai thác cơ sở vật chất, sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị định kỳ để cải tiến; sớm bổ sung nhân sự chuyên môn và đầu tư thư viện điện tử, học liệu số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

8. Rà soát, điều chỉnh chức năng và nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách đồng thời làm rõ cơ chế phối hợp với các đơn vị, khoa, viện trong phát triển đối tác, mở rộng mạng lưới quan hệ đối ngoại; có chiến lược tận dụng mạng lưới đối ngoại của các nhà khoa học, giảng viên uy tín, người học thành đạt để mở rộng hợp tác và phát triển mạng lưới đối tác; khảo sát ý kiến các bên liên quan để làm cơ sở rà soát, đánh giá và cải tiến hiệu quả quy trình quản lý hoạt động hợp tác đối ngoại trong và ngoài nước.

9. Ưu tiên xây dựng bộ chỉ số đầu ra và chỉ số thị trường toàn diện, bao gồm các tiêu chí đo lường về chất lượng đào tạo, sự hài lòng của nhà tuyển dụng và tác động của hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; hoàn thiện chiến lược và hệ thống văn bản quản lý nội bộ về đảm bảo chất lượng đảm bảo gắn kết chặt chẽ với chiến lược, kế hoạch phát triển các lĩnh vực chính; thiết lập cơ chế đánh giá và điều chỉnh, cải tiến các quy trình lập kế hoạch, triển khai và giám sát.

10. Thường xuyên thực hiện tự đánh giá các CTĐT và có kế hoạch cải tiến phù hợp; phát huy hiệu quả đội ngũ cán bộ, giảng viên đã được đào tạo về đảm bảo chất lượng và sử dụng các kết quả đối sánh, xếp hạng làm căn cứ xây dựng chính sách đảm bảo chất lượng và cải tiến; hoàn thiện hệ thống quản lý và quy trình phân tích dữ liệu, tập trung xây dựng hệ thống tích hợp nhằm thu thập, lưu trữ, và phân tích các kết quả phục vụ cho việc cải tiến các hoạt động.

11. Rà soát và phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và thông tin truyền thông bên ngoài; xây dựng công cụ công nghệ thông tin hỗ trợ phân tích xu hướng, dự báo đảm bảo khoa học và hỗ trợ hiệu quả cho các cấp ra quyết định phù hợp; phát triển đồng bộ hệ thống phần mềm quản trị tích hợp và đảm bảo an toàn thông tin; định kỳ tổng kết, đánh giá và khai thác ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh hệ thống, chuyển hóa dữ liệu thành tri thức hỗ trợ chiến lược phát triển.

12. Triển khai các giải pháp mang tính hệ thống và bền vững nhằm cải tiến chất lượng toàn diện bao gồm các chính sách, quy trình, thủ tục và đảm bảo nguồn lực phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xác lập tiêu chí lựa chọn đối tác và nội dung đối sánh một cách có hệ thống phù hợp với đặc thù của Học viện; khai thác tối đa kết quả để xây dựng các giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đưa ra các kế hoạch cải tiến thiết thực.

13. Quan tâm khảo sát nhu cầu thị trường về nguồn nhân lực để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp; hỗ trợ người học hoàn thành học bổ sung kiến thức trước khi được công nhận thí sinh trúng tuyển với tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ; tăng cường thanh tra, giám sát tuyển sinh đối với tất cả các bậc đào tạo và hình thức đào tạo; nâng cấp phần mềm tuyển sinh sau đại học và tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh định kỳ để có những cải tiến kịp thời.

14. Xây dựng quy hoạch phát triển các ngành đào tạo giai đoạn 2025 - 2030; nghiên cứu phát triển các ngành đào tạo liên quan đến an ninh phi truyền thống, toàn cầu hóa, quan hệ quốc tế; mở rộng các hình thức đào tạo liên kết quốc tế, các CTĐT tài năng, giảng dạy bằng tiếng nước ngoài; cải tiến công tác thiết kế, phát triển CTĐT; rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra của CTĐT và của các học phần; xác định chuẩn xác vai trò của các học phần trong việc đóng góp vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT làm cơ sở hoàn thiện đề cương các học phần; rà soát, bổ sung, cập nhật nội dung và các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích, phù hợp.

15. Có hướng dẫn việc truyền tải triết lý giáo dục vào nội dung CTĐT, phương thức tổ chức dạy và học; chú trọng cá thể hoá trong đào tạo, tiếp tục tăng cường các hoạt động dạy học phù hợp để nâng cao khả năng học tập suốt đời và năng lực khởi nghiệp, sáng tạo cho người học; tăng cường kết nối doanh nghiệp trong thực tập, thực tế và quá trình đào tạo; đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức đào tạo; thường xuyên tập huấn cho giảng viên về các phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại.

16. Sớm ban hành quy định về việc lựa chọn loại hình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với chuẩn đầu ra; hoàn thiện hướng dẫn về kỹ thuật xây dựng câu hỏi thi; xây dựng quy trình đánh giá độ tin cậy, độ giá trị của kiểm tra đánh giá; có kế hoạch, công cụ và triển khai thực hiện đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định; tăng cường giám sát công tác ra đề và chấm thi để đảm bảo tính chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của người học.

17. Quy định rõ nhiệm vụ của các đơn vị và cán bộ hỗ trợ người học, chuẩn hóa quy trình, tiêu chí và biểu mẫu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, gia tăng thời gian thực hành, thực tập và hỗ trợ người học khởi nghiệp; nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là thư viện để đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu; khảo sát ý kiến người học đảm bảo khách quan, khoa học để cải tiến hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ.

18. Sớm kiện toàn đơn vị đầu mối tham mưu trong quản lý hoạt động khoa học công nghệ; xây dựng và ban hành bộ chỉ số (KPIs) và các tiêu chí đánh giá cụ thể về các loại hình nghiên cứu khoa học; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành và theo đặt hàng bên cạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị để phát huy tiềm năng nghiên cứu khoa học; quan tâm đầu tư hơn nữa cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học; định kỳ khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học để cải tiến, hoàn thiện.

19. Xác định rõ chỉ tiêu đối với sản phẩm và giải pháp hữu ích trong nghiên cứu khoa học, trong đó tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của Học viện; xây dựng chiến lược và các cơ chế, chính sách tạo tài sản trí tuệ, thúc đẩy chuyển giao tri thức và khai thác; đánh giá hiệu quả và nâng cao yêu cầu đối với các viện, trung tâm nghiên cứu và khoa trong tư vấn chính sách và chuyển giao; định kỳ đánh giá hiệu quả đóng góp của các đơn vị gắn với mức đầu tư của Học viện; thực hiện nghiêm túc quy định về trích dẫn trong học tập, nghiên cứu.

20. Rà soát kế hoạch chiến lược, các nhiệm vụ theo chu kỳ hội nghị ngoại giao và các phương hướng, nhiệm vụ hằng năm; xây dựng bổ sung các KPIs cụ thể; đầu tư tương xứng để phát triển mạng lưới ổn định các hợp tác nghiên cứu có sự tham gia của các đối tác nước ngoài; đầu tư phát triển bền vững các nhóm nghiên cứu mạnh làm đòn

bây để tăng cường các đề tài, hợp tác song phương, nghị định thư; xây dựng cơ sở dữ liệu về các hợp tác, đối tác hiện có và tiềm năng; định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác, đối tác để cải tiến.

21. Xác định rõ các loại hình phục vụ cộng đồng và hệ thống chỉ số KPIs về mức độ hài lòng và lợi ích của các bên liên quan tương xứng với tính chất và các hoạt động để theo dõi, đo lường đánh giá và ghi nhận; xây dựng đầy đủ các chính sách, văn bản hướng dẫn và quy trình hoạt động phù hợp; chú trọng việc phát triển mạng lưới kết nối, hoạt động phục vụ cộng đồng theo hướng nhân rộng các mô hình hiệu quả.

22. Xác lập rõ kết quả đầu ra của các CTĐT theo outputs, outcomes, impacts để quán triệt và xác định phương thức quản trị hiệu quả; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, cập nhật các chức năng tổng hợp và chiết xuất được các chỉ số, đồng thời tạo điều kiện để nhiều nhóm cán bộ quản lý truy cập khai thác; phát huy ưu thế của phương thức đào tạo theo tín chỉ và chuyển đổi số để cải tiến mô hình đào tạo, rút ngắn thời gian tốt nghiệp tạo điều kiện cho người học có nhu cầu và có khả năng học tập theo lộ trình riêng.

23. Có chiến lược, kế hoạch nghiên cứu khoa học với các KPIs cụ thể và hệ thống theo dõi, giám sát mang tính hệ thống từ cấp Học viện đến viện, khoa, trung tâm; cụ thể hóa các quy định hiện hành trong quy định nội bộ để thúc đẩy nghiên cứu khoa học, huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho khoa học công nghệ; có chính sách khuyến khích và khen thưởng đủ mạnh cho công bố bài báo quốc tế uy tín và hoạt động nghiên cứu khoa học có khả năng thương mại hóa; đối sánh quốc tế để đánh giá và cải tiến chất lượng, xây dựng môi trường thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

24. Xác lập các chỉ số và thực hiện khảo sát, phân tích dữ liệu để làm rõ kết quả, tác động xã hội đối với các bên liên quan trong và ngoài Học viện để có các giải pháp cải tiến hiệu quả; quan tâm đối sánh, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động truyền thông để tăng thương hiệu và uy tín cho Học viện.

25. Rà soát để điều chỉnh chính sách và có chiến lược đa dạng hóa nguồn thu, cân đối cơ cấu thu theo hướng tăng tỷ trọng thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, dịch vụ và các khoản thu khác; hoàn thiện bộ chỉ số kết quả các hoạt động chính và xác lập các chỉ số về thị trường có tham chiếu hệ thống xếp hạng chất lượng cơ sở giáo dục đại học phù hợp cho từng giai đoạn để làm rõ bản sắc và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Học viện cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
